

Số: 350/BC - ĐCM

Cám Phả, ngày 04 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện SXKD năm 2021; kế hoạch SXKD
và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV, với các nội dung chủ yếu sau:

A. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.

I. Các căn cứ thực hiện.

Công văn số: 6118/TKV-KH ngày 23/12/2020 của TKV về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021.

Công văn số: 6108/TKV-KH ngày 29/12/2021 của TKV về việc Thông báo điều chỉnh một chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021.

Quyết định số: 2157/QĐ-TKV ngày 23/12/2020 của TKV về việc Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch kỹ thuật công nghệ chủ yếu năm 2021 - Tập đoàn các Công ty TKV.

Nghị quyết số: 26/2020/NQ-HĐQT ngày 24/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Quyết định số: 181/QĐ-TKV ngày 08/02/2021 của Hội đồng thành viên TKV về việc Phê duyệt Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2021;

Quyết định số: 263/TKV-TN ngày 17/3/2021 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2021 - Nguồn vốn chi phí quản lý điều hành của Công ty mẹ TKV, chi phí sản xuất của các Chi nhánh và chi phí sản xuất của các Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết số 534/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV;

Quyết định số: 656/TKV-TN ngày 18/5/2021 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2021 - Nguồn vốn do các đơn vị Chủ đầu tư tự thu xếp;

Quyết định số: 1528/QĐ-TKV ngày 09/11/2021 của TKV về việc Bổ sung khối lượng TDKS năm 2021 thuộc Phương án thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2760/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 khu Trung tâm mỏ than Mông Dương.

Quyết định số: 1530/QĐ-TKV ngày 09/11/2021 của TKV về việc Phê duyệt Đề cương - Dự toán công trình: Lưu trữ tài liệu thăm dò bằng phương pháp scan và nhập dữ liệu vào Hệ thống quản lý và khai thác dữ liệu địa chất TKV do Công ty CP Địa chất mỏ thực hiện.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021.

1. Đánh giá tình hình thực hiện.

Năm 2021 cùng với các doanh nghiệp trong cả nước Công ty thực hiện nhiệm vụ kép vừa phải phòng chống dịch, vừa phải sản xuất để duy trì ổn định kinh tế trong tình hình mới.

Trước tình hình trên, Công ty đã tập trung chỉ đạo điều hành sản xuất, đề ra các giải pháp tổ chức sản xuất linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế thi công, tăng cường công tác chuẩn bị sản xuất, đáp ứng được các yêu cầu sản xuất đề ra. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, Công ty vẫn còn gặp khó khăn, do khối lượng năm 2021 giảm nhiều so với kế hoạch, Công ty thiếu việc làm. Các công trình khoan trên bãi thải dày, địa tầng phức tạp (khu mỏ Mông Dương, Lộ Trí)... gây ra sự cô công trình, bên cạnh đó là địa hình núi cao (Mạo Khê, Vàng Danh), khu vực do tư nhân quản lý dẫn đến khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2021.

TT	Danh mục	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	KH điều chỉnh năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ %		
						So KH đầu năm	So KH điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	
I	Chỉ tiêu hiện vật							
1	Khoan thăm dò	mét	64.000	55.000	55.472,1	86,7	100,9	
2	Khảo sát trắc địa	ha	16.500	16.950	17.507,6	106,1	103,3	
3	Nhiệm vụ Địa chất	b/c	9	10	11,0	122,2	110,0	
4	Đo vật lý Carota	mét	85.000	62.000	65.738,0	77,3	106,0	
5	Phân tích mẫu	mẫu	7.000	5.350	5.944,0	84,9	111,1	
II	Doanh thu	tr.đ	315.130	281.000	283.973	90,1	101,1	
1	Khoan thăm dò	"	248.130	225.500	225.844	91,0	100,2	
2	Khảo sát trắc địa	"	24.000	23.500	24.674	102,8	105,0	
3	Nhiệm vụ Địa chất	"	10.800	9.000	9.573	88,6	106,4	
4	Đo vật lý (Carota)	"	10.000	7.250	7.787	77,9	107,4	
5	Phân tích mẫu	"	12.200	9.000	9.080	74,4	100,9	
6	Dịch vụ khoáng nóng, khác	"	10.000	6.750	7.015	70,2	103,9	
III	Các chỉ tiêu khác							
1	Lợi nhuận	tr.đ	6.200	2.500	3.653	58,9	146,1	
2	Lao động bình quân	người	796	728	728	91,5	100,0	
3	Tiền lương bình quân	tr.đ/ng/th	9,298	9,041	9,191	98,8	101,7	
4	Đầu tư XDCB	tr.đ	18.150	13.752	8.106	44,7	58,9	
5	Cổ tức	%/VĐL	≥ 2	≥ 2	1	50,0	50,0	
6	Nộp ngân sách	tr.đ	Theo quy định hiện hành					

Kết quả năm 2021 đạt thấp so với kế hoạch là do các nguyên nhân sau:

- Trong tổng khối lượng 64.000mk có: 41.450 mk thuộc các Đề án thăm dò (trước đây gọi là nguồn vốn chi phí tập trung), chiếm 64,76%; 22.550 mk thuộc kế hoạch KTCN, chiếm 35,24%. Tuy nhiên khối lượng thuộc các Đề án thăm dò năm 2021 chỉ đạt 28.540,8/41.450mk, bằng 68,9%, do chưa bố trí được nguồn vốn để thi công Đề án thăm dò mỏ than Mạo Khê; Khối lượng thuộc kế hoạch KTCN 26.931,3/22.550 mk, bằng

119,4%; Các đề án khác chưa được cấp giấy phép... dẫn đến khối lượng, doanh thu giảm sâu so với kế hoạch đề ra;

- Trung tâm khoáng nóng Địa chất phải dừng sản xuất kinh doanh do dịch bệnh Covid-19, doanh thu chỉ đạt 2.901/10.000 triệu đồng \approx 29,01% KH.

- Về chi phí sản xuất: Đơn giá vật tư, nhiên liệu cho công tác khoan năm 2021 tăng: vật tư tăng bình quân là 7,12%; dầu diezen 15,52% % và xăng 23,58%. Điều kiện thi công ngày càng khó khăn: bãi thải dày, nhiều tầng lò đã khai thác, địa tầng phức tạp (khu mỏ Mông Dương, Lộ Trí), địa hình núi cao (Mạo Khê, Vàng Danh)... làm giảm năng suất, tăng chi phí; bên cạnh đó một số diện sản xuất nằm trong khu vực do tư nhân quản lý, rất khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, chi phí đền bù rất cao so với quy định; Phát sinh thêm các chi phí phòng chống dịch Covid-19.

Từ những nguyên nhân trên, ảnh hưởng rất lớn đến công tác tổ chức sản xuất và quản trị chi phí. Để đảm bảo bù đắp cho việc tăng giá vật tư, nhiên liệu, đáp ứng được cơ bản những yếu tố chi phí chính phục vụ sản xuất, thu nhập người lao động, Công ty triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất, quản trị chi phí như sau:

(i) Về tổ chức sản xuất: Bám sát thực tế thi công, kịp thời điều chỉnh thiết kế, công nghệ để nâng cao năng suất, hạn chế sự cố, các phương án thi công, vận chuyển tập trung để tận dụng đủ tải trọng, thuận lợi trong điều hành nhằm tiết giảm tối đa vật tư, nhiên liệu. Tích cực tìm kiếm thêm việc làm ngoài kế hoạch TKV giao.

(ii) Rà soát điều chỉnh giảm yếu tố chi phí khấu hao, giảm đầu tư mua sắm TSCĐ, giảm chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên TSCĐ so với kế hoạch, tiết giảm chi phí ở tất cả các công đoạn sản xuất.

III. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ thăm dò, khảo sát.

1. Công tác tư vấn.

- Hoàn thành Đề án thăm dò mỏ than Suối Lại, Đề án thăm dò mỏ than Vàng Danh trình Tổng cục Địa chất, Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, cấp phép.

- Lập thiết kế BVTC-Tổng dự toán, cập nhật tài liệu và chỉ đạo công tác kỹ thuật thi công các đề án: Đề án TD mỏ than Hà Lâm, Đề án thăm dò NCTL mỏ than Hà Lâm, mỏ Bắc Bằng Danh.

- Tổng hợp tài liệu, lập báo cáo tổng kết Đề án thăm dò NCTL trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2794/GP-BTNMT ngày 31/8/2008 và số 140/GP-BTNMT ngày 01/02/2013 mỏ than Vàng Danh, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Tổng hợp tài liệu, lập báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2497/GP-BTNMT ngày 28/11/2008 mỏ than Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Hoàn thành thủ tục cấp lại Giấy phép khai thác nước khoáng nóng tại lỗ khoan 28B, phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Thu thập tài liệu, lập phương án kỹ thuật, phương án thi công đối với công tác khảo sát trắc địa, thăm dò phục vụ khai thác, ĐCTV-ĐCCT thuộc kế hoạch KTCN năm 2021.

2. Công tác thi công.

2.1. Khoan thăm dò.

Năm 2021 Công ty dự kiến thực hiện hoàn thành các Đề án/Phương án như sau:

- Đề án thăm dò NCTL khu Bắc Bằng Danh mỏ than Hà Tu
- Đề án thăm dò NCTL mỏ than Hà Lâm.

- Đề án thăm dò NCTL khu mỏ Lộ Trí.
- Đề án thăm dò NCTL mỏ than Hà Lâm
- Đề án thăm dò mỏ Bắc Cọc Sáu (phần quan trắc lâu dài 1 năm thuộc khối lượng đầu thầu).
- Phương án khoan thăm dò năm 2021 phục vụ khai thác - Công ty than Hòn Gai - TKV.
- Phương án khoan thăm dò năm 2021 phục vụ khai thác - Công ty than Mạo Khê - TKV.
- Phương án khoan thăm dò năm 2021 phục vụ khai thác - Công ty than Thống Nhất - TKV.
- Phương án khoan thăm dò năm 2021 phục vụ khai thác - Công ty Cổ phần than Mông Dương - Vinacomin.
- Phương án khoan thăm dò năm 2021 phục vụ khai thác - Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin.
- Phương án khoan thăm dò năm 2021 phục vụ khai thác - Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin.
- Phương án khoan thăm dò trong lò - Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin.
- Phương án khoan thăm dò trong lò năm 2021 - Công ty than Nam Mẫu - TKV.
- Phương án khoan thăm dò trong lò năm 2021 - Công ty than Hòn Gai - TKV.
- Phương án khoan thăm dò trong lò năm 2021 - Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin.
- Phương án khoan thăm dò, tháo nước trong lò năm 2021 - Công ty than Nam Mẫu - TKV.

*** Khối lượng:**

Nội dung	Khối lượng (m)	Mẫu lấy (m)	Tỷ lệ (%)
Tổng khối lượng thực hiện năm 2021	55.472,1		
Trong đó: - Khoan qua bãi thải, lò cũ	7.435,5		
- Khoan qua than	4.532,2	3.687,9	81,37
- Khoan qua đá	43.504,4	34.116,2	78,42

IV. Công tác quản trị chi phí và quản lý lao động.

1. Khấu hao TSCĐ: Được trích vào giá thành sản phẩm theo mức quy định

2. Công tác quản lý, sử dụng vật tư:

2.1. Quy định áp dụng:

- Thông tư số 11/2010/TT-BTNMT ngày 05/7/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, V/v Ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật các công trình Địa chất.

- Thông tư số 07/2013/TT-BTNMT ngày 07/5/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, V/v Ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật các công trình Địa chất.

- Quyết định số: 1380/QĐ-TM-KHZ ngày 12/6/2007 của TKV, V/v Ban hành định mức tiêu hao vật tư kỹ thuật khoan lấy mẫu bằng công nghệ cấp luồn trong các công trình khảo sát thăm dò chuyên ngành than.

- Quyết định số: 1772/QĐ-TKV ngày 01/10/2018 của TKV, V/v Ban hành Bộ định mức, Đơn giá các công trình khảo sát, thăm dò Than và Khoáng sản;

- Quyết định số: 1366/QĐ-ĐCM ngày 30/8/2016, V/v Ban hành định mức vật tư công trình thăm dò Than và Khoáng sản, áp dụng trong nội bộ Công ty CP Địa chất mỏ – TKV.

2.2. Công tác mua sắm, cấp phát vật tư, quản lý và bảo quản vật tư.

- Vật tư mua sắm được căn cứ vào nhu cầu thực tế sản xuất, thông qua các hợp đồng mua bán, giá mua cạnh tranh. Quy trình thực hiện theo các quy định của Nhà nước, TKV và của Công ty. Tất cả vật tư mua sắm đều đảm bảo chất lượng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

- Công tác cấp phát và sử dụng vật tư được thực hiện theo định mức và nhu cầu thực tế sản xuất, đồng thời trên nguyên tắc thu cũ, cấp mới.

- Vật tư tại các công trường được sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích theo yêu cầu thực tế của công việc, theo đúng dự toán và thiết kế kỹ thuật đã phê duyệt.

2.3. Phân tích, đánh giá thực hiện định mức tiêu hao vật tư

Năm 2021 Công ty gặp rất nhiều khó khăn về việc làm và doanh thu, do đó toàn Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vật tư khoan chủ yếu được cấp phát sát với định mức tiêu hao, các công trình khoan của Công ty thực hiện trong năm đều hoàn thành nhiệm vụ và cân đối được chi phí giao khoán.

2.4. Tồn kho vật tư: Mức dự trữ vật tư thường xuyên, tồn kho cuối kỳ được Công ty kiểm soát chặt chẽ phù hợp với tình hình, đặc thù của sản xuất và khả năng cung ứng của thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.5. Đơn giá vật tư: Đơn giá vật tư khoan chủ yếu (là sắt thép) thực hiện năm 2021 tăng bình quân là 7,12%; dầu diesel 15,52% % và xăng 23,58% so với năm 2020. Nguyên nhân là do giá sắt thép và nhiên liệu trên thế giới tăng cao, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 làm cho nguồn hàng và chi phí vận chuyển vật tư chủ yếu của Công ty được nhập khẩu từ Trung Quốc, Nga tăng cao hơn so với năm 2020 và các năm trước. Đơn giá một số vật tư khác tăng, giảm nhẹ so với các năm là do Công ty thay đổi chủng loại của vật tư để đáp ứng nhu cầu, điều kiện thực tế của sản xuất.

2.6. Tổng hợp tình hình mua bán, sử dụng vật tư năm 2021:

- Tồn đầu kỳ: 3.161 triệu đồng
- Nhập trong kỳ: 100.064 triệu đồng
- Xuất trong kỳ: 100.134 triệu đồng
- Tồn cuối kỳ: 3.091 triệu đồng

3. Công tác quản lý lao động, tiền lương:

3.1. Tuyển dụng, sử dụng lao động:

- Hằng năm, Công ty căn cứ khối lượng và giá trị được Hội đồng quản trị phê duyệt, trên cơ sở được TKV thông qua và căn cứ định mức lao động, xác định lao động kế hoạch cần sử dụng trong năm để đưa ra kế hoạch tuyển dụng lao động.

- Tình hình tuyển dụng lao động: Năm 2021, Công ty do khó khăn về việc làm, nhiều tổ khoan phải nghỉ chờ việc; ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Do vậy, Công ty tuyển mới: 02 lao động/ 47 lao động kế hoạch (Bao gồm: 01 Kỹ sư Địa chất và 01 xoa bóp bấm huyệt) đạt 4,26% kế hoạch.

- Sử dụng lao động và chất lượng lao động: Năm 2021 do dịch bệnh Covid - 19 kéo dài và có sự thay đổi về nguồn vốn thăm dò, khảo sát của TKV dẫn đến giảm khối lượng, thiếu việc làm cho người lao động. Trên cơ sở đó, Công ty đã thực hiện việc điều động lao động giữa các tổ, đội sản xuất để giảm bớt khó khăn, ổn định đời sống cho người lao động. Được sự quan tâm tạo điều kiện của Tập đoàn và các đơn vị vùng Cẩm Phả, Công ty đã tạm điều động một số lao động tại Trung tâm Khoáng nóng Địa chất sang các Công ty thuộc TKV vùng Cẩm Phả để làm việc.

- Công tác tái cơ cấu LĐ: Căn cứ tình sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện tiết giảm lao động trong năm 2021 là 43 người trong đó: Gián tiếp và phục vụ, phụ trợ là 11 người, đảm bảo số lao động tính đến thời điểm 31/12/2021 không vượt quá số lao động theo công văn số 3883/TKV – TCNS ngày 23/8/2021. Bằng các giải pháp như tuyên truyền, vận động và hỗ trợ cho người lao động xin về hưu trước tuổi (năm Công ty đã trích 450trđ từ quỹ phúc lợi để hỗ trợ cho người lao động là quản lý gián tiếp, phục vụ phụ trợ xin về hưu trước tuổi).

- Các giải pháp giữ chân, thu hút lao động có tài năng, có tay nghề, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao: Công ty đã mở các lớp đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng tay nghề để đáp ứng với nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2021 và những năm tiếp theo.

- Bố trí việc làm cho người lao động.

+ Tuyên truyền, vận động để điều động công nhân khoan có tay nghề cao từ tổ khoan này sang tổ khác để kèm cặp, đào tạo cho lực lượng công nhân mới đáp ứng với tình hình sản xuất của Công ty.

- Giải quyết chính sách đối với lao động thiếu việc làm, thôi việc: Công ty đã thực hiện việc điều động lao động giữa các tổ, đội sản xuất và liên hệ với các Công ty vùng Cẩm Phả để hỗ trợ việc làm cho người lao động tại Trung tâm Khoáng nóng Địa chất. Sử dụng nguồn tiền lương kết dư năm 2020 chuyển sang năm 2021 để chi hỗ trợ cho người lao động thiếu việc và dừng nghỉ do dịch Covid-19 với tổng số tiền hơn 2 tỷ đồng. Giải quyết trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Cơ cấu lao động theo từng khu vực như sau:

Chi tiêu	Lao động có mặt đến 31/12/2021 theo CV số 3883/TKV-TCNS	Thực hiện năm 2021				
		LĐ có mặt 01/01/2021	LĐ có mặt 31/12/2021	Tăng (+); giảm (-)	Trong đó	
					Giảm tuyệt đối(ii)	Giảm tương đối (iii)
A	B	1	2	3 = 2-1	4	5
Tổng số	733	741	665	76	- 6	- 70
- Công nghệ	515	525	458	- 65		- 65
- Phục trợ	43	43	43			
- Phục vụ	68	67	61	- 6	- 2	- 4
- HĐ số: 28	12	10	12			
- Quản lý	95	96	91	- 5	- 4	-1

3.2. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng của người lao động, người quản lý năm 2021.

- Giá trị thực hiện năm 2021:

+ Giá trị tổng số: 283.973 trđ

+ Giá trị không tham gia tính lương: 15.807trđ (lý do: Là giá trị phối hợp thực hiện thi công thăm dò giữa Công ty với Công ty CP Địa chất Việt Bắc)

+ Giá trị tính lương: 268.166 trđ

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021: 80.291 trđ

Trong đó:

- Quỹ tiền lương người lao động: 79.108 trđ

+ Quỹ tiền lương tính theo đơn giá là: 77.768 trđ;

+ Quỹ tiền lương thực trả cho quản lý, phục vụ tại Miếu mỏ theo HĐ số 28/HĐ/2021/ĐCM – TKV ngày 28/04/2021 của TKV là: 1.340 trđ;

- Quỹ tiền lương của người quản lý: Căn cứ giá trị và lợi nhuận thực hiện và theo Thông tư số 28, quỹ tiền lương của người quản lý: 1340 trđ.

* Tỷ trọng quỹ lương năm 2021:

+ Lao động công nghệ: 76,7%

+ Lao động phục vụ phụ trợ: 10,3%

+ Quản lý, gián tiếp: 13%

3.3. Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:

- Ăn giữa ca: 730.000đ/ người/tháng

- Ăn định lượng cho Công nhân khoan trong hầm lò: Theo quy định của TKV

- Phụ cấp đi lại làm việc cho người lao động theo 3 mức: Mức 1: 18.000đ/công; mức 2: 28.000đ/công; mức 3: 38.000đ/công.

- Bồi dưỡng độc hại theo 02 mức: Mức 10.000đ/công, mức 15.000đ/công

- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Căn cứ hệ thống thang lương, bảng lương TKV Công ty xây dựng thang bảng lương và chủ động sắp xếp điều chỉnh mức lương đóng bảo hiểm cho CBCNV toàn Công ty theo quy định và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do TKV và Nhà nước quy định

3.4. Công tác tuyển sinh, đào tạo:

Công tác tuyển sinh và đào tạo: Căn cứ kế hoạch lao động cần tuyển dụng đã được xây dựng trong kế hoạch phối hợp kinh doanh hàng năm, Công ty đã chủ động và làm tốt công tác tuyển dụng lao động. Trên cơ sở chủ trương của TKV và yêu cầu của một số Công ty mở hầm lò đáp ứng yêu cầu chứng chỉ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia. Công ty đã kết hợp với Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản Việt Nam mở các lớp đào tạo ngắn ngày hệ sơ cấp nghề khai thác mỏ hầm lò, cơ điện mỏ hầm lò với tổng số 132 người.

Kết quả tuyển sinh, tuyển dụng và sử dụng lao động theo bảng sau:

Chỉ tiêu	Tuyển sinh (học sinh)		Biến động (công nhân)							Số cuối kỳ	
	KH	TH	Số đầu năm	Tăng (+)				Giảm (-)			
				Tổng số	Trong TKV		Ngoài TKV Tổng số		Tổng số		Trong đó thời việc, bỏ việc
					Các doanh nghề	Tốt nghề trường CDTKV	Các doanh nghề	Tốt nghề trường CDTKV			
Tổng số	47		741	2				2	78	42	665
Trong đó:											
- Khoan máy địa chất	38		330						34	31	296
- Khoáng nóng	3		36	1				1	27		10
- Địa chất	2		46	1				1	1		46
- Ngành nghề khác	4		329						16	11	313

4. Công tác quản lý chi phí khác: Chi phí khác gồm nhiều nội dung như công tác phí, điện, điện thoại văn phòng, hội họp, tiếp khách, lãi vay ngân hàng được Công ty thực hiện theo nội dung cụ thể và áp dụng các định mức chi phí hợp lý, đảm bảo mức giao khoán hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

V. Công tác đầu tư XDCB:

Năm 2021 Công ty đã tổ chức thực hiện hoàn thành các gói thầu của các dự án với tổng giá trị thực hiện 8.105,6 triệu đồng. Cụ thể như sau:

*** Dự án chuyển tiếp từ năm 2020 sang:**

- **Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2020:** Thực hiện hoàn thành gói thầu kiểm toán, giá trị thực hiện: 50,1 triệu đồng.

- **Dự án cấp phép khai thác nước khoáng nóng tại lỗ khoan LK 28B Trung tâm khoáng nóng Địa chất:** Thực hiện hoàn thành các gói thầu còn lại, giá trị thực hiện: 2.058,47 triệu đồng.

*** Dự án khởi công mới năm 2021:**

- Dự án Sửa chữa, nâng cấp nhà ở tập thể CBCNV XN Địa chất Đông Triều: Thực hiện hoàn thành các gói thầu của Dự án với giá trị thực hiện: 2.686,4 triệu đồng.

- Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2021: Thực hiện hoàn thành 07 gói thầu/9 gói với giá trị thực hiện hoàn thành là : 3.174,6. Các gói thầu chuyển tiếp sang năm 2022 gồm: gói thầu: Máy khoan trên mặt (khoan đến chiều sâu 1200m), Kiểm toán dự án hoàn thành.

*** Công tác chuẩn bị dự án:**

- Điều chỉnh Quy hoạch khu di tích Miếu Mỏ: Công ty đang trình UBND thị xã Đông Triều xem xét, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch khu di tích Miếu Mỏ. Giá trị thực hiện năm 2021 là 0 triệu đồng.

- Công tác chuẩn bị dự án khu nghỉ dưỡng đập nước Đá Chồng: Công ty đang tích cực bám sát các ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ninh, TP Cẩm Phả và TKV để đẩy nhanh các bước trong công tác lập điều chỉnh quy hoạch Dự án khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá Chồng.

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2021 là 7.969,6 triệu đồng/12.427 triệu đồng, đạt tỷ lệ 64,12% kế hoạch năm.

VI. Công tác tiết giảm chi phí.

Công ty đã ban hành các văn bản, đề ra các biện pháp, nhằm tiết giảm chi phí:

- Quyết định số 180/QĐ-ĐCM ngày 04/3/2021 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành đơn giá tiền lương khoán sản phẩm và quỹ tiền lương khoán hoàn thành nhiệm vụ cho các đơn vị năm 2021.

- Công văn số 465/ĐCM-VT ngày 13/4/2021 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Tăng cường công tác quản lý vật tư.

- Quyết định số 168/QĐ-ĐCM ngày 02/3/2021 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành đơn giá khoán chi phí sản xuất cho các đơn vị.

- Quyết định số 426/QĐ-ĐCM ngày 13/5/2021 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành Quy chế khoán quản trị chi phí sản xuất kinh doanh.

- Công văn số 647/ĐCM-VT ngày 18/5/2021 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Tăng cường công tác thu hồi vật tư, phế liệu các công trình khoan.

- Chỉ thị số 864/CT-ĐCM ngày 01/7/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí năm 2021.

Kết quả năm 2021 Công ty tiết giảm yếu tố vật tư là 986 triệu đồng.

B. Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022.

I. Các căn cứ thực hiện.

Quyết định số: 1708/QĐ-TKV ngày 15/12/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc Phê duyệt Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2022;

Quyết định số: 1786/QĐ-TKV ngày 28/12/2021 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2022 - Nguồn vốn chi phí quản lý điều hành của Công ty mẹ TKV, chi phí sản xuất của các Chi nhánh và chi phí sản xuất của các Công ty cổ phần;

Công văn số 293/TKV-TN ngày 20/01/2022 của TKV về việc Thực hiện kế hoạch TDKS năm 2022;

Quyết định số: 181/QĐ-TKV ngày 08/02/2022 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2022 - Nguồn vốn do các đơn vị Chủ đầu tư tự thu xếp.

Nghị quyết số: 26/2020/NQ-HĐQT ngày 24/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty, V/v Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Quyết định số: 1438/QĐ-ĐCM ngày 31/12/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Phê duyệt kế hoạch điều hành SXKD năm 2022;

Các văn bản có liên quan khác phục vụ công tác quản lý, điều hành chung trong Công ty.

II. Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu SXKD năm 2022.

TT	Danh mục	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
I	Chỉ tiêu hiện vật			
1	Khoan thăm dò	mét	64.500	
2	Khảo sát trắc địa	ha	17.300	
3	Nhiệm vụ Địa chất	b/c	15	
4	Đo vật lý Carota	mét	71.500	
5	Phân tích mẫu	mẫu	7.300	
II	Doanh thu	tr.đ	315.500	
1	Khoan thăm dò	"	254.850	
2	Khảo sát trắc địa	"	24.000	
3	Nhiệm vụ Địa chất	"	8.500	
4	Đo vật lý (Carota)	"	8.550	
5	Phân tích mẫu	"	12.500	
6	Dịch vụ khoáng nóng, khác	"	7.100	
III	Các chỉ tiêu khác			
1	Lợi nhuận	tr.đ	6.250	
2	Lao động bình quân	người	745	
3	Tiền lương bình quân	tr.đ/ng/th	9,723	
4	Cố tức	%/VĐL	≥ 2	
5	Nộp ngân sách	tr.đ	Theo quy định hiện hành	

TT	Danh mục	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	ĐVT	Khối lượng	Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp			Nguồn vốn				
							Xây dựng	Thiết bị	Chi phí tư vấn và khác	Vay thương mại	Vốn KHTSCĐ	TKV	Phúc lợi	Huy động khác
1	Dự án khu nghỉ dưỡng đập nước Đá Chông	2022-2023	48803			4.279		4.279		4.279				
2	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022	2022	3601			50		50		50				
3	Lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án Bảo quản, tu bổ Khu di tích lịch sử địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam					1.189	-	1.189	-	-	1.189	-		
-	Lập Đề cương nhiệm vụ và dự toán Điều chỉnh quy hoạch					37		37			37			
-	Khảo sát địa hình, cắm mốc ranh giới					830		830			830			
-	Lập đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500					322		322			322			
C	DỰ PHÒNG					4.706	-	3.575	1.131	-	4.706	-	-	-
1	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022	2022	3601			3.601		3.575	26		3.601			
2	Dự án khu nghỉ dưỡng đập nước Đá Chông					1.105		1.105			1.105			
-	Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán					965		965			965			
-	Thẩm tra hồ sơ thiết kế thi công					71		71			71			
-	Thẩm tra tổng dự toán					69		69			69			



3. Các giải pháp thực hiện.

- Triển khai hồ sơ trình Bộ Tài nguyên Môi trường cấp giấy phép thăm dò Đề án TD mỏ than Vàng Danh.

- Phối hợp với Chủ đầu tư để hoàn thiện thủ tục thi công khi các Đề án có nguồn vốn.

- Tăng cường quản lý kỹ thuật, kiểm soát từng công đoạn thi công nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn liên quan tới công tác thi công nhằm giảm thiểu sự cố công trình.

- Áp dụng các cơ chế, quy chế, giải pháp đồng bộ trong điều hành và quản trị chi phí, quản lý vật tư, sử dụng máy móc, thiết bị, nhân lực, tiền vốn và các yếu tố đầu vào sản xuất.

- Tổ chức quản trị chi phí, tiết giảm chi phí.

- Thực hiện công tác ĐTXDCB đúng trình tự, thủ tục theo quy định, triển khai dự án đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả cao, tăng cường giám sát nâng cao chất lượng công trình, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, phù hợp với khả năng huy động các nguồn vốn và điều kiện tài chính của Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển, quy hoạch của ngành Than và địa phương.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông, Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV, những nội dung cơ bản trên./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;

- Lưu: VT, KHĐT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Khấn